

Bản án số: **29/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: **03/8/2017**

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên Đơn:** Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: đội 8, thôn P, xã T, huyện C, thành phố H.

Cư trú tại: đội 12, thôn S, xã N, huyện L, tỉnh H. **Có mặt.**

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến B, sinh năm 1972.

Đều đăng ký NKTT và cư trú tại: đội 8, thôn P, xã T, huyện C, thành phố H.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện kết hôn, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh H, ngày 25/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn P, xã T, huyện C. Quá trình chung sống, do Chị T muốn có con nhưng anh B không muốn, ngoài ra trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã về

nhà bố mẹ đẻ ở đội 12, thôn S, xã N, huyện L, tỉnh H từ tháng 11/2016 cho đến nay. Nay, Chị T cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: (Nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ...): Không có nên Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Tiến B trình bày:**

Về hôn nhân: Anh B kết hôn với Chị T trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh H, ngày 25/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn P, xã T, huyện C. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, đôi khi có những mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, đến cuối năm 2016, Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở H và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quan điểm của anh B chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện Chị T phải về nhà xin lỗi anh và các con riêng của anh vì anh kết hôn với Chị T là có đón đưa đảng hoàng nên việc Chị T tự ý bỏ nhà về nhà bố mẹ đẻ sinh sống là không đúng. Nếu Chị T muốn quay lại với anh B thì anh cũng không đồng ý.

Về con chung: Anh B thừa nhận vợ chồng không có con chung. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: (Nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp, công sức, công nợ...): Không có, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến B. Bị đơn là anh Nguyễn Tiến B không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý nếu Chị T về nhà xin lỗi anh và các con riêng của anh; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Tòa án cho Chị T được ly hôn anh B; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, công nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh H vào ngày 25/3/2015 nên hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến B là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Tiến B có bất đồng quan điểm nên xảy ra mâu thuẫn. Cuối năm 2016, Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở H sinh sống cho đến nay, trong quá trình ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Xét thấy, Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở đội 12, thôn S, xã N, huyện L, tỉnh H và hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay Chị T xin được ly hôn anh B, anh B chỉ đồng ý ly hôn nếu Chị T về nhà xin lỗi anh và các con riêng của anh. Trường hợp, Chị T muốn quay lại đoàn tụ thì anh B cũng không đồng ý. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Phương T và cho Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Tiến B.

2. Về con chung: Chị T và anh B đều thừa nhận vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị T và anh B đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- 1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Tiến B.
- 2. Về con chung:** Không giải quyết.
- 3. Về tài sản, công nợ chung, công sức:** Không giải quyết.
- 4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn; được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002854 ngày 09 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Phương T, anh Nguyễn Tiến B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long